

tienganh123.com/unit-11-at-the-bus-stop-tieng-anh-lop-1-global-success/26124-tu-vung-unit-11-in-the...

Xem toàn bộ từ vựng



**bus** /bʌs/

xe buýt

She's waiting for a bus.

Cô ấy đang chờ xe buýt.



**run** /rʌn/

chạy

She can run fast.

Bạn ấy có thể chạy nhanh.

79°F Mostly cloudy 10:31 AM 8/3/2023

tienganh123.com/unit-11-at-the-bus-stop-tieng-anh-lop-1-global-success/26124-tu-vung-unit-11-in-the...



**sun** /sʌn/

mặt trời

The sun is shining.

Mặt trời đang chiếu sáng.



**truck** /trʌk/

xe tải

He's in the truck.

Chú ấy đang trên xe tải.

79°F Mostly cloudy 10:31 AM 8/3/2023

